

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

⚡ Công bố tại:

- Trang điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước:
<http://w.w.w.congbothongtin@ssc.gov.vn>
- Trang điện tử của CTCP dược Medipharco theo địa chỉ:
<http://www.medipharco.com.vn>

⚡ Báo cáo trong Hồ sơ công bố thông tin gửi đến:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thành phố Huế, ngày 22/03/2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2021

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006
- Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN
- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế .
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- E-mail : mediphar@dng.vnn.vn
- Website www.medipharco.com/ www.medipharco.com.vn
- Mã cổ phiếu: **MTP**

a. Quá trình hình thành và phát triển.

✦ Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu



tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM — Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

⚡ Các sự kiện khác: Trong năm 2021:

- Sửa đổi & Ban hành lại- Ban hành mới các Quy chế theo Nghị quyết của ĐHCĐTN 2021 bao gồm:
 - Điều lệ
 - Quy chế Quản trị nội bộ
 - Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát
- Đại hội đồng cổ đông bất thường v/v Lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản của Cổ đông về việc Bổ sung Ngành, nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh; Nghị quyết đã được thông qua ngày 21/09/2021. Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh ngày 04/10/2021 đã được công bố trên mạng Quốc gia
- Thành lập tổ bán hàng online trực thuộc phòng kinh doanh
- Thành lập Trại nghiên cứu nuôi trồng dược liệu trực thuộc phòng Kinh doanh thị trường tại Xã Thủy Bằng- TP. Huế

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh đăng kí đến thời điểm 31/12 năm 2021:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế	2100
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3.	Sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng	2825
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng	5630
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế	4669
6.	Đầu tư tài chính	6499

330
CÔ
PH
IED
E-T

TT	Ngành nghề	Mã ngành
7.	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
9.	Kinh doanh, Sản xuất, Xuất nhập khẩu các sản phẩm mục 1,2,3,4	
10.	Dịch vụ Bảo quản thuốc chữa bệnh	8299
11.	Sản xuất rượu vang	1102
12.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất đồ uống không cồn	1104
13.	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm diệt khuẩn trong gia dụng và y tế	2029
14.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn trà túi lọc, trà hòa tan, trà gói thảo dược; Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm dinh dưỡng; Bán buôn thực phẩm khác	4632
16.	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
20.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm của công ty	8299
23.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây Dược liệu, Hương liệu hàng năm	01192

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

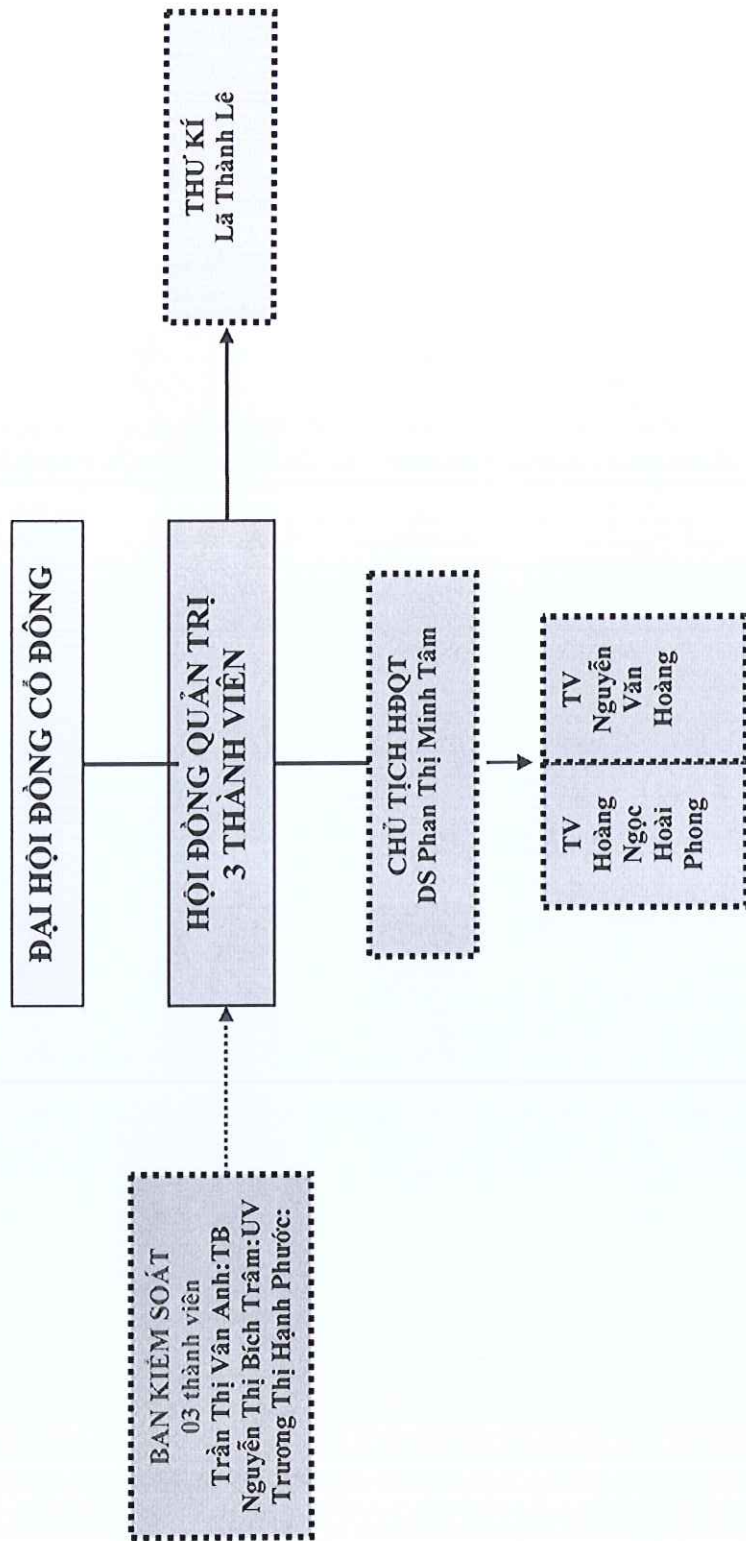
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

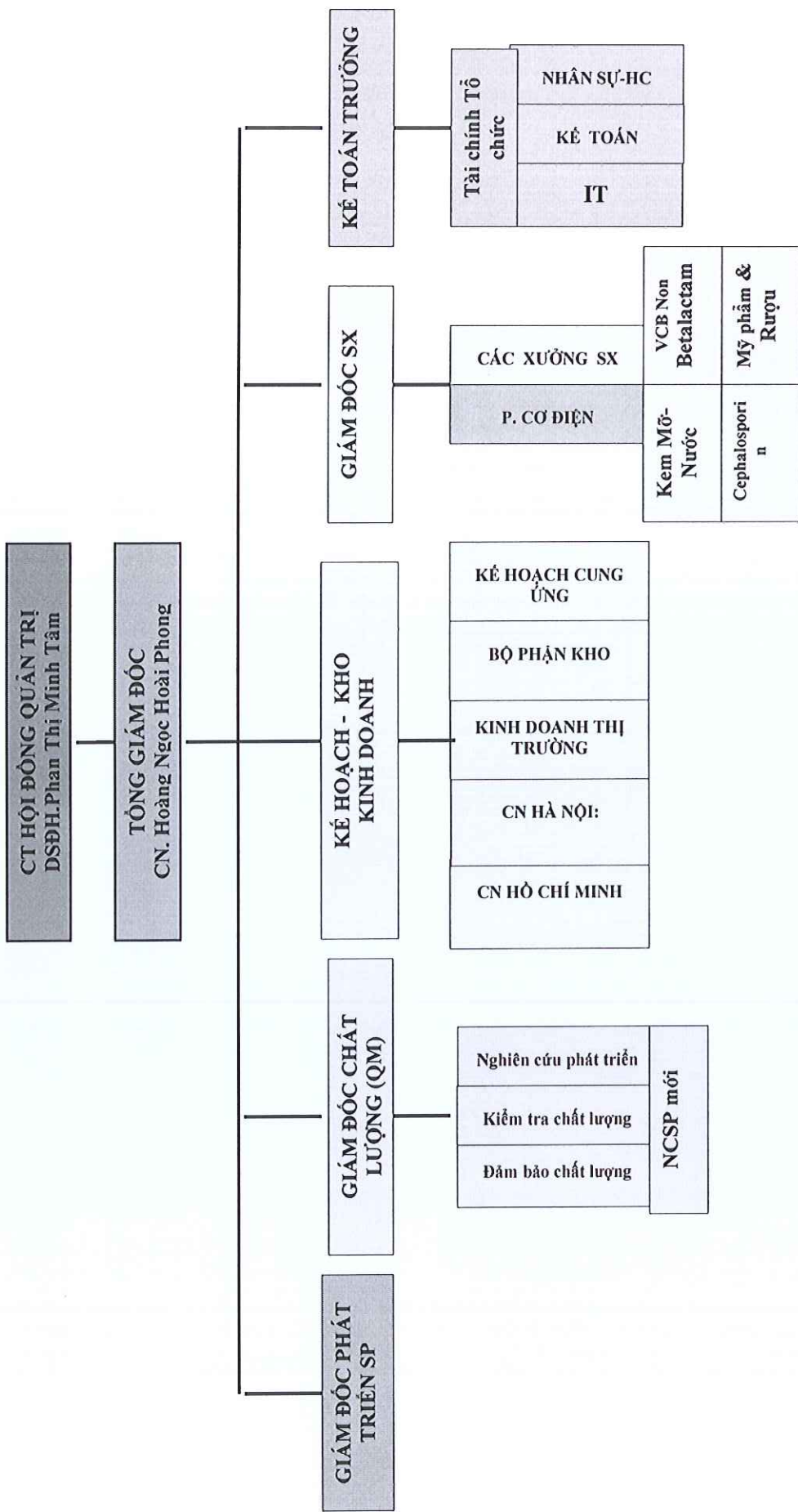
101
IG
ÂN
PH
HƯA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ- BAN KIỂM SOÁT- THƯ KÍ: Không thay đổi!

✦ 3 người: 1 Chủ tịch + 2 Ủy viên ; Trong đó 1 TV ngoài DN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



✚ **Mô hình quản trị:**

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng

✚ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài sản xuất Rượu đạt tiêu chuẩn ATTP và Sản xuất Hóa Mỹ phẩm

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Không có!
- Công ty Liên kết: Không có!

4. Định hướng phát triển:

a) **Tiếp tục Các mục tiêu chủ yếu, mục tiêu phát triển bền vững và Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty** : Theo Mục tiêu và chiến lược của HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) đã thông qua.

b) **Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững:**

- ❖ Tiếp tục đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- ❖ Tiếp tục Xây dựng, củng cố và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
- ❖ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ❖ Khâu nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền; Tăng

công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm;

- ❖ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường

c) Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2022:

- ❖ Xây dựng chiến lược sản phẩm , tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu Thuốc với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới, Thuốc điều trị Covid ...phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ❖ Xây dựng phương án chủ động tổ chức Sản xuất- Kinh doanh của DN để đáp ứng mọi tình huống liên quan phòng chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị của Chính phủ- Bộ ngành và từng khu vực
- ❖ Xây dựng, Tăng cường các giải pháp quản lý Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lai với các ngân hàng thương mại;
- ❖ Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm , tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu Thuốc với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới, Thuốc điều trị Covid ...phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ❖ Tiếp tục Nghiên cứu phát triển, mở rộng nhóm sản phẩm sát khuẩn hỗ trợ phòng chống dịch, Sản phẩm công bố , nuôi trồng dược liệu Sau khi bổ sung Giấy ĐKKD của DN
- ❖ Tiếp tục đầu tư nâng cấp Cơ sở Nhà xưởng- Khu vực Vi sinh- Khu vực R&D ; Hệ thống phụ trợ- Máy móc thiết bị Nghiên cứu& Sản xuất nhằm đáp ứng công tác Nghiên cứu, quản lý chất lượng theo chuẩn mực GPs, đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất tối thiểu 25,5 triệu SPQĐ tại DN ; Đầu tư Nghiên cứu nuôi trồng Dược liệu; Đầu tư nghiên cứu nhóm sản phẩm nhằm khai thác công suất SX của Nhà máy số 1 Khu CN Phú Bài.
- ❖ Thực hiện quản trị Doanh nghiệp theo Điều lệ Tổ chức hoạt động, Quy chế Quản trị nội bộ , Quy chế hoạt động của HĐQT- Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp hiện hành và Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- ❖ Tiếp tục Đánh giá kết quả đầu tư năm 2020, 2021 ; Xem xét đề thống nhất chủ trương phê duyệt đầu tư bổ sung năm 2022 nhằm đáp ứng công tác Nghiên cứu- quản lý chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất tại DN để trình ĐHCĐTN phê duyệt; Tăng cường công tác quản lý các Dự án đầu tư theo đúng Điều lệ hiện hành và các Quy định liên quan của Nhà nước và trên địa bàn.
- ❖ Tìm kiếm, đánh giá cơ hội , nghiên cứu về Dự án tiền khả thi/ Khả thi xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn EU/FDA
- ❖ Sửa đổi- Bổ sung- Ban hành “Quy chế Quản lý Dự án Đầu tư” của Doanh nghiệp

5. Các rủi ro:

- ⚡ Các thay đổi về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế; Quy định về Bảo hiểm y tế sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận
- ⚡ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng (Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ⚡ Rủi ro do dịch bệnh COVIT theo diễn biến bất lợi tại cộng đồng dẫn đến khan hiếm và tăng giá đột biến nguồn Nguyên liệu- Tá dược- Bao bì ... phải nhập khẩu từ nước ngoài...

II. Tình hình hoạt động trong năm 2021:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Trong năm 2021- năm thứ 2 của nhiệm kì HĐQT lần thứ 4 (2020-2025) ,

Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Khó khăn do tác động tiêu cực của đại dịch COV trên toàn cầu và đặc biệt năm 2021 tình hình dịch Covid trên nhiều Tỉnh- Thành _ Trong đó có TP Hồ Chí Minh , Hà nội, Các tỉnh thành xảy ra nghiêm trọng sẽ làm gián đoạn chuỗi cung ứng Bao bì, vật tư, Nguyên liệu phụ vụ sản xuất Thuốc cũng như đình trệ hoạt động phân phối kinh doanh thuốc của các doanh nghiệp dược
- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược mới, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh; công nợ kéo dài của hệ thống khám chữa bệnh; chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp.
- Biến động thị trường Tài chính quốc tế thường xuyên tác động xấu đến VN- Trong đó có Ngành dược: Giá thành sản xuất dược phẩm luôn biến động do phần lớn nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài; Chi phí về bao bì vật tư, vận chuyển , giá điện nước, xăng dầu liên tục tăng dẫn đến giá thành sản phẩm của Doanh nghiệp rất khó giữ ổn định.
- Hiện nay trên 90% Nguyên liệu để SX thuốc đều nhập khẩu từ nước ngoài- trong đó chủ yếu từ Trung quốc và Ấn độ dẫn đến việc lệ thuộc vào nước ngoài - nhất là trong tình hình diễn biến khi có dịch bệnh toàn cầu dẫn đến đứt nguồn nguyên liệu mà DN đã công bố khi đăng kí thuốc nên Phải công bố bổ sung nhưng quy trình xử lí của CQQLNN rất chậm!
- Việc chậm ban hành các thông tư hướng dẫn Luật Dược như thông tư đăng ký thuốc, đấu thầu thuốc....làm ảnh hưởng tới việc xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Việc cấp số đăng ký – Gia hạn- Duy trì hiệu lực SDK ; Những khó khăn liên quan đến số đăng ký của doanh nghiệp là vô cùng bất cập
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược theo hướng cắt, giảm điều kiện/thủ tục, giảm thời gian cấp phép tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển chưa thỏa mãn với yêu cầu của Doanh nghiệp

- Nhóm hàng sản xuất của MPC vẫn chưa cải thiện được triệt để tình trạng không có khả năng cạnh tranh, giá trị thấp do nhiều bất cập trong đăng kí thuốc mới, nhiều sản phẩm đang chờ đợi duy trì hoặc gia hạn số đăng ký nên lúng túng trong sản xuất và phân phối.
- Khó khăn bất cập về Đấu thầu thuốc: Vẫn chưa giải quyết được Bất cập giữa nhà thầu và chủ đầu tư về tình trạng bất bình đẳng đối với công nợ của các bệnh viện rất lớn và kéo dài rất nhiều so với thời gian mời thầu. Bất cập cập một số cơ sở y tế thực hiện yêu cầu của Bảo hiểm y tế v/v xuất toán Giá thuốc khi so sánh mặt bằng giá mặc dù đã có Quyết định trúng thầu và kí hợp đồng cung ứng thầu.
- Quy định về GMP đối với Tá dược- vỏ nang rất khó thực hiện.
- Việc kê khai lại giá thuốc còn rất nhiều khó khăn nhất là phải buộc so sánh giá thuốc cùng loại tiêu thụ trong khu vực, thuốc nhập khẩu.

b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:

- Điều lệ và các Quy chế hoạt động Quản trị Nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát được ban hành sửa đổi phù hợp với cơ cấu Tổ chức và đặc điểm tình hình hoạt động của DN
- Bộ máy tổ chức đã được cơ cấu lại theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kì 4 (2020-2025) ; Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật (Nhà xưởng- Máy móc- Công cụ Nghiên cứu- Sản xuất- Quản lí chất lượng) tiếp tục được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động
- Người lao động có ý thức tự giác, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh ; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty.

c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm & dịch vụ phòng chống dịch, thực hiện cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông – Đặc biệt là tăng trưởng Doanh thu, Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập và hỗ trợ tối đa cho người lao động được tiêm Vacxin đủ theo quy định cũng như hỗ trợ cho bản thân và gia đình người lao động tại DN trong phòng chống dịch Covid!

Lần đầu tiên các đơn vị khôi Kinh doanh mặc dù tác động tiêu cực của Dịch Covid nhưng vẫn hoàn thành các chỉ tiêu Doanh số đã khoán năm 2021

Cụ thể:

- ❖ Doanh số bán ra năm 2021 đạt 1.294 tỷ đồng, đạt 136% so với kế hoạch năm.

❖ Lợi nhuận năm 2021:

- Trước thuế : 16,292 Tỷ ĐVN
- Sau thuế : 13,01 Tỷ ĐVN/ Kế hoạch 11,2 tỷ đồng- Đạt 117 %

d) Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- Sửa đổi & Ban hành lại- Ban hành mới các Quy chế theo Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2021 bao gồm:
 - Điều lệ
 - Quy chế Quản trị nội bộ
 - Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát
- Bổ sung Ngành ,nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh; Nghị quyết đã được thông qua ngày 21/09/2021
- Thành lập Trại nghiên cứu nuôi trồng dược liệu trực thuộc phòng Kinh doanh thị trường tại Xã Thủy Bằng- TP. Huế
- Bổ nhiệm chính thức các Trưởng đơn vị khối quản lí chất lượng; Bổ nhiệm mới Cán bộ quản lí chủ chốt phụ khách Khối Sản xuất, Chi nhánh Hồ Chí Minh

e) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2020	KH 2021	Thực hiện 2021	So sánh thực hiện/KH
	1	2	5			6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.012	950	1.294	136%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	8,949	14	16,292	116%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,096	2,8	3,281	116%
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:		0			
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	7,853	11,2	13,01	117%

2. Tổ chức và nhân sự.

- a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

✚ Danh sách ban điều hành:

- ❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Danh sách HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản	Điều hành trực tiếp tại DN
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.
- Danh sách Ban kiểm soát như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban Kiểm soát – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội
2	Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4
3	Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4

⚡ **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	054 3823 768
Điện thoại di động	0913425280

Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	85.403 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	399 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- TVHĐQT- Tổng giám đốc:

Họ và tên	Hoàng Ngọc Hoài Phong
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/08/1972
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Số CMTND	191290276
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM
Chỗ ở hiện tại:	34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại liên lạc cơ quan	0903674008
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	
1994-2006	Kế toán trưởng chi nhánh Tp. HCM
2006-2008	Thành viên ban KS / Kế toán chi nhánh
2008-2010	Thành viên ban KS / Giám đốc chi nhánh
2010-2015	Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh
2015-2018	Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	553.334 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo	33.303 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- TVHĐQT:

Họ và tên	Nguyễn Văn Hoàng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1974
Nơi sinh	Thanh hóa
Số CCCD	038074006046 ngày cấp 10/10/2021 Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh hóa
Địa chỉ thường trú	Phòng B707 nhà CT1B , chung cư The Legend, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà nội
Điện thoại liên lạc và địa chỉ Email	0902252729_email: hoang.tenamyd@yahoo.com
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	

1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	1.001.059 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: Không thấy đổi trong năm!

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2021		30/12/ 2021	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	85.403	1,29
2	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	553.334	8,39	553.334	8,39
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.001.059	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban	1.059	0.016%	1.059	0.016%
2	Nguyễn Phương Trâm	Thành viên	670.772	10,17%	670.772	10,17%
3	Trương thị Hạnh Phước	Thành viên	0	0%	0	0%

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi!

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

✦ Tổng số lao động có đến 31/12/2021: 181 người

✦ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định.
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư Thiết bị phục vụ công tác Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu và Thiết bị sản xuất với tổng giá trị Khoảng **4,1 tỷ đồng** .

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2020, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	465,338,204,006	440,572,796,158	95%
Doanh thu thuần/Net revenue	1,012,779,435,118	1,293,982,052,120	128%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	8,855,960,120	15,734,967,765	178%
Lợi nhuận khác/ Other profits	93,913,793	557,317,342	593%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	8,949,873,913	16,292,285,107	182%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	7,853,648,514	13,010,502,882	166%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,1528	1,1932	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	1,92	0,6501	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,82	0,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	4,64	3,98	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	4,67	5,91	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,18	2,94	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0078	0,0101	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,0951	0,1471	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0088	0,0122	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: Không thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2021	31/12/2021	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	6.598.367	6.598.367	
2	Số lượng cổ phần	Cổ phần	6.593.767	6.593.767	

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2021	31/12/2021	Ghi chú
	chuyển nhượng tự do				
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4.600	4.600	
	Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	4.600	4.600	
	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm	Cổ phần	0	0	

b. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2021	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	%	57,67	57,67	Theo công bố của VSD tại ngày 31/12/2021
2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	%	42,33	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	10,53%	10,53%	
4	Cổ đông cá nhân	%	89,47%	89,47%	
5	Cổ đông trong nước	%	99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài	%	0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước	%	0%	0%	

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có!

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

✚ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu

✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

e. Các chứng khoán khác: Không có!

6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

❖ **Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :**

- + NPL: : 216.457 kg
- + Dịch chiết+Rượu+cồn : 90.824 lít
- + Nang: : 15.575.724 cái

❖ **Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :**

- + PVC + Nhôm + màng co... : 75.034 kg
- + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn.. : 26.388.355 cái

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 1.366.800KW/ năm

✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 1.166.800 kw

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 200.000Kw

b) Tiêu thụ nước:

❖ **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số lượng nước đã sử dụng: 15.621 m³/Năm

✓ Tiêu thụ nước trực tiếp cho sản xuất: 15.209 m³/Năm

✓ Tiêu thụ nước gián tiếp (văn phòng): 412 m³/Năm

❖ **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!**

c) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

d) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

10
NG
IÂN
IPH
THÙ

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- ✚ Số lao động trung bình trong năm 2021: 178 người
- ✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2021: 7,8 triệu đồng/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- ✚ Xây dựng & Ban hành & Sửa đổi Bộ quy chế doanh nghiệp để xác định quyền hạn- nghĩa vụ- quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế Lương; Quy chế dân chủ;
- ✚ Kí kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định hiện hành
- ✚ Áp dụng & ban hành chế độ bồi dưỡng độc hại; Thực hiện các quy định liên quan An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Khám sức khỏe định kì
- ✚ Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo NQ ĐHCĐTN hàng năm để chi cho các hoạt động văn thể mỹ, hiếu hỉ, nghỉ dưỡng, thưởng các cá nhân có đóng góp xây dựng & phát triển doanh nghiệp....

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- ✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 1.200 giờ/năm
- ✚ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
 - Đào tạo ban đầu về Hồ sơ tổng thể, nội quy quy định, GMP Công ty cho các nhân viên mới tuyển dụng
 - Đào tạo kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất & Pha chế tại các xưởng .
 - Đào tạo tại các nội dung: GPs, đào tạo phần mềm quản lý mới cho nhân viên xuất-nhập, Kỹ năng quản trị, Phòng cháy chữa cháy. Gửi đi đào tạo về kiểm soát môi trường & vi sinh; tập huấn về Luật dược 2016 và Nghị định /Thông tư hướng dẫn Luật dược; tập huấn An toàn hóa chất.... Cho gần 300 lượt người

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- ✚ Tham gia hỗ trợ phòng chống dịch Covid -19 tại tỉnh TT Huế: 408,5 triệu Đồng
- ✚ Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi.
- ✚ Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh
- ✚ Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

⚡ Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – KD năm 2021 :

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	So sánh %	
						6=5/3	7=5/4
	1	2	3	4	5		
1	Doanh Thu SX	Tr. đồng	84,975	120,000	102,966	121%	86%
2	Tổng giá trị bán ra	Tỷ đ	1,012	950	1294	128%	136%

⚡ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2020	KH năm 2021	TH 2021	So sánh thực hiện/KH
	1	2	5	3	4	6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.012	950	1.294	136%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	8.949	14	16,292	116%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.096	2,8	3,281	117%
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:		0			
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	7.853	11,2	13,01	116%

⚡ Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm & dịch vụ phòng chống dịch , thực hiện cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông – Đặc biệt là tăng trưởng Doanh thu đạt 136% , Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất đạt 100 % để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập và hỗ trợ tối đa cho người lao động được tiêm Vacxin đủ theo quy định

cũng như hỗ trợ cho bản thân và gia đình người lao động tại DN trong phòng chống dịch Covid! Năng suất lao động tiếp tục được nghiên cứu hợp lý hóa để tăng trong điều kiện vừa phòng chống dịch- vừa bảo đảm công tác sản xuất phục vụ kinh doanh và xuất khẩu thuốc

- Lần đầu tiên các đơn vị khối Kinh doanh mặc dù tác động tiêu cực của Dịch Covid nhưng vẫn hoàn thành các chỉ tiêu Doanh số đã khoán năm 2021
- Đặc biệt Công tác Nghiên cứu sản phẩm mới và lập Hồ sơ đăng kí thuốc đã có bước tăng trưởng đáng kể, tập trung đầu tư thêm thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển nhóm sản phẩm thuốc đặc trị. Tổng số sản phẩm nghiên cứu mới-đăng ký trong nước: 34 sản phẩm và nước ngoài 12 sản phẩm; Tổng số sản phẩm mới được cấp số đăng kí và công bố là 08 Thuốc + 05 sản phẩm công bố trong nước và thêm 07 Thuốc đăng kí nước ngoài
- Kịp thời Nghiên cứu nhóm sản phẩm mới (Đăng kí & Sản xuất Dung dịch sát khuẩn, Kinh doanh vật tư& thuốc phòng chống dịch....) góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, tham gia và phục vụ phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn cũng như toàn quốc!
- Công tác Xuất Nhập khẩu đã được tập trung phát triển mở rộng; Tìm- Đánh giá được thêm nhiều nhà cung cấp nguồn Nguyên liệu cho nghiên cứu, Sản xuất; Đồng thời tăng cường hợp tác nghiên cứu đăng kí thuốc, tổ chức tiếp nhận đơn hàng- Sản xuất và đáp ứng nhu cầu Xuất khẩu hàng hóa; Duy trì đối tác Xuất khẩu truyền thống tại Myanmar, Nhật bản, đồng thời phát triển đối tác có tiềm năng tại Uzebeckistan; Tổng Thuốc đăng kí nước ngoài được cấp còn hiệu lực đến 2021 là 12 thuốc
- Công tác duy trì hệ thống Quản lí chất lượng đã bảo đảm theo quy định ; Tham gia góp ý- đề xuất kiến nghị liên quan đến các sửa đổi& Bổ sung& Ban hành các văn bản pháp quy trong Sản xuất- Kinh doanh Ngành Dược của các cơ quan quản lí Nhà nước!

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản	Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn
Số đầu năm	465,338,204,006	434,340,542,608	30,997,661,398
Số cuối năm	440,572,796,158	410,451,270,778	30,121,525,380

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2021) là 187,835,449,931 đồng trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 2,825,552,719 chiếm 1,5 %. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 2,825,552,719

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn là 344,610,101,279 chiếm 97 % tổng nợ phải trả; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

Thời gian	Nợ ngắn hạn	Phải trả người bán	Vay Ngân hàng
Số đầu năm	376,782,830,993	63,485,987,523	301,342,790,415
Số cuối năm	343,976,844,181	28,820,977,746	308,164,859,254

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu. xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Nâng cao Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Quản trị Nhân sự:
 - Đã thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc, Giám đốc các khối và Phụ trách quản lý các ĐV trực thuộc sau khi ĐHCĐTN bầu lại HĐQT- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 4 (2020-2025) theo nguyên tắc quy định của chứng khoán đối với công ty đại chúng (Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng giám đốc); Bỏ nhiệm mới theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt cùng với giao trách nhiệm cao nhất cho từng cá nhân theo từng vị trí đảm nhiệm và đánh giá hiệu quả về số lượng- Chất lượng- Thời gian thực hiện của từng nội dung!
 - Tiếp tục tăng cường nhân lực cho bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tuyển dụng & đào tạo tay nghề lao động trực tiếp vận hành thiết bị SX tại Xưởng
- ❖ Tiếp tục Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Quảng cáo & Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới , bán hàng Online....

- ❖ Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, sửa đổi và ban hành lại Quy chế Lương, Thỏa ước lao động, Nội quy lao động cho phù hợp các quy định hiện hành – đồng thời phù hợp với Mục tiêu – Định hướng phát triển- Chỉ tiêu kế hoạch và giải pháp thực hiện
- ❖ Triển khai Mở rộng các Ngành nghề Kinh doanh đã đăng kí bổ sung trong năm 2021.
- ❖ Nghiên cứu, hợp tác các đối tác trong nuôi trồng- Chế biến- Tạo thêm sản phẩm đi từ nguồn gốc Thảo dược với mô hình Trại dược liệu gắn với hoạt động sản xuất- Kinh doanh của DN
- ❖ Quản trị Tài chính: Tăng cường các giải pháp quản lí Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lai với các ngân hàng thương mại; Thực hiện báo cáo đánh giá quản trị nội bộ hàng quý/năm để kịp thời có các giải pháp xử lí bất cập phát sinh...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Xây dựng kế hoạch 2022 và kế hoạch trong các năm tới Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) đã thông qua và Mục tiêu- định hướng phát triển của HĐQT năm 2022 (Tại mục IV.3 của báo cáo này!)

4.1/ Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	TH 2021	2022 Trình ĐHĐCĐ	Ghi chú
A-	TỔNG DOANH THU	Tỷ Đ	1.294	980,000	
I/	Hàng Sản xuất:		102		
II/	Hàng Kinh doanh		1192		
B-	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ Đ	16,292	15,500	
C-	THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Tỷ Đ	3,281	3,100	
D-	LN SAU THUẾ:	Tỷ Đ	13,010	12,400,	
E-	CỔ TỨC DƯ KIẾN (VỐN ĐL # 66TỶ)	%	Dự kiến 18%	Tối thiểu 10%	

4.2/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2022:

a) Tổ chức – Lao động- Tiền lương – BHXH- Đào tạo:

- ❖ Tiếp tục Củng cố- Đào tạo toàn diện kỹ năng điều hành- chuyên môn kỹ thuật cho Nhân sự quản lý (HDQT- TGD- GD- Trưởng bộ phận) đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
 - ❖ Tuyển dụng lao động trực tiếp để bảo đảm phương án SX tăng ca và Nhân lực bảo đảm Chiến lược nghiên cứu sản phẩm mới
 - ❖ Thực hiện Quy chế Lương , Thưởng – Nội quy lao động- Thỏa ước lao động đã sửa đổi ban hành và đăng kí đóng BHXH theo quy định hiện hành;
- b) Tiếp tục đầu tư mọi nguồn lực và xây dựng các phương án & Giải pháp đồng bộ nhằm phát triển Sản xuất, giảm Giá thành , Giá bán , bảo đảm cạnh tranh trên thị trường và Mở rộng Xuất khẩu:
- ❖ Phân đấu tổng sản phẩm quy đổi (SPQĐ) sản xuất năm 2022 sẽ tăng trưởng theo Mục tiêu của Nhiệm kì 4 nhằm đạt tối thiểu **25,5** SP/năm
 - ❖ Tiếp tục Khảo sát & Ban hành định mức Kinh tế kỹ thuật và lao động , bổ sung thêm một số thiết bị sản xuất & đóng gói nhằm tăng năng lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành
 - ❖ Đào tạo nâng cao tay nghề , kỹ năng cho lực lượng lao động trực tiếp
- c) Nghiên cứu Giải pháp Kinh doanh và phát triển thị trường trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất tại doanh nghiệp
- d) **Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2022 :**
- ❖ Tiếp tục mục tiêu Tập trung mọi nguồn lực, hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu & lợi nhuận; Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền
 - ❖ Nâng cấp mở rộng đồng bộ khu vực Nghiên cứu phát triển (Khu vực Pilot; Thiết bị nghiên cứu; Nghiên cứu Độ ổn định.....;
 - ❖ Triển khai thực hiện giải pháp hữu hiệu từ nghiên cứu thị trường, Nghiên cứu Mô hình bệnh tật và Nhu cầu Thuốc , Dịch tễ, Công nghệ bào chế các dạng Thuốc tiên tiến; Nhóm sản phẩm bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch bệnhđể đẩy nhanh tốc độ Nghiên cứu sản phẩm mới (NCSPM) ; Xây dựng Hồ sơ Đăng kí thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
 - ❖ **KH nghiên cứu sản phẩm mới 2022 như sau:**
 - Đăng kí Thuốc trong nước: 62 sản phẩm
 - Đăng kí thuốc nước ngoài : 42 sản phẩm
- e) **Hệ thống quản lý chất lượng:** Tiếp tục:
- ❖ Kiện toàn , đào tạo bổ sung cho hệ thống quản lý chất lượng theo các chuẩn mục GPs
 - ❖ Đầu tư nâng cấp cơ sở (Nhà máy , Hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh, Phòng RD) và bổ sung , thay thế một số thiết bị trọng yếu cho Nghiên cứu , Sản xuất để đáp ứng quy định GMP, bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hóa sản xuất , phát triển sản phẩm mới tại doanh nghiệp; Đồng thời tăng công suất sản xuất tối thiểu 25,5 triệu SPQĐ năm 2022

4.3/ Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- ❖ Quản trị Tài chính:
 - Kí kết lại hợp đồng tín dụng 2022 tại các ngân hàng; Tăng cường các giải pháp quản lý Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lại với các ngân hàng thương mại; Có phương án giải pháp nâng hạn mức tín dụng hoặc bổ sung thêm Ngân hàng giao dịch(theo nguyên tắc tín chấp) nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và hợp tác năm 2022
 - Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lý kinh tế tài chính- Hàng hóa
 - Thực hiện báo cáo phân tích quản trị nội bộ theo quy định hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng và năm

4.4/ Đầu tư phát triển:

- ❖ Tiếp tục Đầu tư nâng cấp cơ sở (Nhà máy, hệ thống phụ trợ, Khu vực Vệ sinh, RD) và bổ sung một số thiết bị trọng yếu cho Nghiên cứu, Sản xuất đã phê duyệt năm 2021; Đồng thời Dự kiến trình ĐHCĐTN phê duyệt Tổng dự toán đầu tư năm 2022 là 11 tỷ ĐVN
- ❖ Tìm kiếm, đánh giá cơ hội về Dự án tiền khả thi/ Khả thi xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn EU/FDA
- ❖ Sửa đổi- Bổ sung- Ban hành “Quy chế Quản lý Dự án Đầu tư” của Doanh nghiệp

4.5/ Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty:

- ❖ HĐQT, Ban TGD, Ban CHĐU, BCHCĐ tiếp tục phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ.
- ❖ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương.

4.96/ Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐTN 2022 sẽ được biểu quyết thông qua

5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có!

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng

010
ĐNG
HÀ
JIP
C TH

đồng địa phương. Đặc biệt tham gia hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid trên địa bàn tỉnh TT Huế

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm & dịch vụ phòng chống dịch, thực hiện cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông – Đặc biệt là tăng trưởng Doanh thu đạt 136%, Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất đạt 100 %
- Bảo đảm tối đa các hoạt động SX-KD trong điều kiện vừa phải phòng chống dịch bệnh COV-19 bùng phát trường diễn trong năm 2021; Bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập của người lao động; Hỗ trợ tối đa cho người lao động được tiêm Vacxin đủ theo quy định cũng như hỗ trợ cho bản thân và gia đình người lao động tại DN trong phòng chống dịch Covid! Năng suất lao động tiếp tục được nghiên cứu hợp lý hóa và tăng trưởng bảo đảm công tác sản xuất phục vụ kinh doanh và xuất khẩu thuốc
- Đã thực hiện và mang lại hiệu quả tích cực từ cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý theo đúng định hướng của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT
- Thực hiện có hiệu quả về mục tiêu tập trung Nghiên cứu sản phẩm mới chiến lược sản phẩm nhóm hàng sản xuất tại DN
- Củng cố duy trì hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn mực GPs và ISO
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:

- ✦ Tổng giám đốc (TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông

140
TY
D
IAF
(A T)

thông qua. Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD

- ✚ Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành; Có các biện pháp Quản lý chặt chẽ Công nợ và thực hiện cơ bản đạt các chỉ số, điều kiện của các hợp đồng tín dụng đã ký kết với các Ngân hàng thương mại năm 2021
- ✚ Đã kiến nghị với HĐQT xây dựng cơ cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty. Đã tiến hành Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Tham gia xây dựng & sửa đổi & Bổ sung & Kiến nghị trình HĐQT phê duyệt & ban hành Quy chế Lương và mức lương, thù lao, các lợi ích, các điều khoản khác của hợp đồng lao động với tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình; Sửa đổi ban hành lại Quy chế Quản lý Kinh tế Tài chính, Quy chế hoạt động của các Chi nhánh
- ✚ Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2021 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2022 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn đúng tiến độ. Phối hợp Chủ tịch Công đoàn Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm 2022.
- ✚ Đã cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý để thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 một cách tốt nhất.
- ✚ Đã tuân thủ và thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với người lao động.
- ✚ Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp trong việc lấy ý kiến góp ý để xây dựng và thực hiện đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính ... để bảo vệ lợi ích chính đáng, hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
- ✚ Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo

định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lí nhà nước theo đúng quy định hiện hành

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022:

- ❖ Xây dựng phương án chủ động tổ chức Sản xuất- Kinh doanh của DN để đáp ứng mọi tình huống liên quan phòng chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị của Chính phủ- Bộ ngành và từng khu vực
- ❖ Xây dựng, Tăng cường các giải pháp quản lí Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lai với các ngân hàng thương mại;
- ❖ Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm , tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu Thuốc với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới, Thuốc điều trị Covid ...phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ❖ Tiếp tục Nghiên cứu phát triển, mở rộng nhóm sản phẩm sát khuẩn hỗ trợ phòng chống dịch, Sản phẩm công bố , nuôi trồng dược liệu Sau khi bổ sung Giấy ĐKKD của DN
- ❖ Tiếp tục đầu tư nâng cấp Cơ sở Nhà xưởng- Khu vực Vi sinh- Khu vực R&D ; Hệ thống phụ trợ- Máy móc thiết bị Nghiên cứu& Sản xuất nhằm đáp ứng công tác Nghiên cứu, quản lí chất lượng theo chuẩn mực GPs, đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất tối thiểu 25,5 triệu SPQĐ tại DN ; Đầu tư Nghiên cứu nuôi trồng Dược liệu; Đầu tư nghiên cứu nhóm sản phẩm nhằm khai thác công suất SX của Nhà máy số 1 Khu CN Phú bài.
- ❖ Tiếp tục Xem xét để thống nhất chủ trương phê duyệt đầu tư bổ sung năm 2022 nhằm đáp ứng công tác Nghiên cứu- quản lí chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất tại DN; Tăng cường công tác quản lí các Dự án đầu tư theo đúng Điều lệ hiện hành và các Quy định liên quan của Nhà nước và trên địa bàn. Sửa đổi- Bổ sung- Ban hành “Quy chế Quản lí Dự án Đầu tư” của Doanh nghiệp
- ❖ Tìm kiếm, đánh giá cơ hội , nghiên cứu về Dự án tiềm khả thi/ Khả thi xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn EU/FDA

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- ✚ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2021: Không thay đổi! Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TVHĐQT tại công ty khác

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,29	Không
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	8,39	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

⚡ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK4 ngày 12/05/2020

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- ⚡ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.

Cụ thể: 2021: Đã Ban hành Nghị quyết về:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 01/2021/NQ/HĐQT-NK4	05/01/21	Thống nhất đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt nam- Chi nhánh Thừa Thiên Huế cấp hạn mức vay tín dụng năm 2021	100%
2	Số 02/2021/NQ/HĐQT	22/02/2021	HĐQT thống nhất Phê duyệt Đầu tư TSCĐ là Thiết bị Phục vụ công tác quản lý chất lượng, kiểm nghiệm Thuốc và nguyên liệu làm thuốc của phòng QC (Đợt 3)	100%
3	Số 03/2021/NQ/HĐQT	10/03/21	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả SX-KD 2020 đã được kiểm toán của Medipharco Thống nhất Thông qua Kế hoạch- Chương trình- Nội dung - Tiến độ Phân công chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2021 (Chi tiết theo BB họp HĐQT 	100%
4	Số 04/2021/NQ/HĐQT	1/3/21	Phê duyệt Danh mục & Cấu hình kỹ thuật& Dự toán chi tiết đầu tư thiết bị cho công tác nghiên cứu – quản lý chất lượng phục vụ cho xưởng sản xuất Thuốc Kem – Mỡ - Nước, xưởng Viên Cốm Bột Non Betalactam, xưởng Cephalosporin...; vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	Số 05/2021/NQ/HĐQT	11/03/21	V/V Đầu Giá Đất tại Hương trà và Bổ sung Tài liệu ĐHĐCĐTN 2021	100%
5B	Số 05B/2021/NQ/HĐQT		V/V Phê duyệt ủy quyền TGD tạm ứng tiền mặt	100%
6	Số 06/2021/NQ/HĐQT	18/03/21	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Các Báo cáo & Tờ trình & Hồ sơ ĐHĐCĐTN 2021 Thông qua Nội dung các Tờ trình sửa đổi Điều lệ & Quy chế QTNB& Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT & Ban Kiểm soát sẽ trình ĐHĐCĐTN 2021 	100%
7	Số 07/2021/NQ/HĐQT	16/04/21	<ul style="list-style-type: none"> Công bố thông tin sau ĐJĐCĐTN 2021 Thông qua Kế hoạch và Tiến độ chi trả cổ tức 2020 của Medipharco: Thông qua công tác triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2021 của HĐQT: 	100%
8	Số 08/2021/NQ/HĐQT	28/04/21	Thống nhất Phê duyệt Đầu tư TSCĐ là Thiết bị Phục vụ công tác quản lý chất lượng ,kiểm nghiệm Thuốc và nguyên liệu làm thuốc của phòng QC (Đợt 4),	100%
9	Số 09/2021/NQ/HĐQT	14/05/21	Thông qua việc vay vốn, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Huế	100%
10	Số 10/2021/NQ/HĐQT	01/06/21	Phê duyệt Ban hành lại Quy chế quản lý Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và Kinh tế Tài chính giai đoạn 2021-2025	100%
11	Số 11/2021/NQ/HĐQT	21/06/21	Thông qua Vay vốn, phát hành LC, Bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng, cầm cố/ thế chấp tài sản và cử người ký kết văn kiện tại Ngân hàng Quân đội chi nhánh Bắc Sài Gòn và Ngân hàng Quân Đội chi nhánh Huế	100%
12	Số 12/2021/NQ/HĐQT	12/07/21	V/v Điều chỉnh Kế hoạch Sản xuất- Kinh doanh- Tài chính- Lợi nhuận phần đầu năm 2021 (Lưu Nội bộ doanh nghiệp)	100%
13	Số 13/2021/NQ/HĐQT	15/07/21	Thông qua Báo cáo Quản trị nội bộ thực hiện 6 tháng đầu năm 1 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021	100%
14	Số 14/2021/NQ/HĐQT	15/07/21	Thông qua vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân	100%
15	Số 15/2021/NQ/HĐQT	25/07/21	Thông qua vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt nam- Chi nhánh Thừa Thiên Huế	100%
16	Số 16/2021/NQ/HĐQT	13/09/21	Thống nhất bổ sung Ngành ,nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh và Biểu quyết bằng văn bản	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	Số 17/2021/NQ/HĐQT	09/10/21	Phê duyệt chủ trương thử nghiệm trồng dược liệu tại Huyện Hương trà và Huyện Hương Thủy- Tỉnh TT Huế	100%
18	Số 18/2021/NQ/HĐQT	15/10/21	Ước Thực hiện lợi nhuận năm 2021 và chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2022	100%
19	Số 19/2021/NQ/HĐQT	02/11/21	Phê duyệt Đầu tư TSCĐ là Thiết bị Phục vụ công tác quản lí chất lượng và Sản xuất (Đợt 5),	100%
20	Số 20/2021/NQ/HĐQT	04/11/21	Phê duyệt sửa đổi Thang ,Bậc lương tại Quy chế Lương hiện hành của Doanh nghiệp	100%
	Số 20B/2021/NQ/HĐQT	04/11/21	Phê duyệt Thang Bậc lương của chức danh Tổng giám đốc	100%
21	Số 21/2021/NQ/HĐQT	29/11/21	Thống nhất Tờ trình của Trưởng Ban kiểm soát v/v đề xuất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	100%
22	Số 22/2021/NQ/HĐQT	22/12/21	Thống nhất phê duyệt Chi tiêu kế hoạch tổng thể và chi tiết năm 2022	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Giám sát Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giám sát thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành
- Giám sát và phê duyệt thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty. Công tác Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty(trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Giám sát và phê duyệt sửa đổi- Bổ sung Quy chế tiền Lương , ban hành mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty ; Giám sát và phê duyệt sửa đổi Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động , Quy chế quản lí Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và Kinh tế Tài chính giai đoạn 2021-2025....cho phù hợp với tình hình SX-KD của doanh nghiệp
- Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 9 tháng của năm 2021; Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2022 đề trình hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
- Giám sát thực hiện tất cả các hoạt động quản lí điều hành khác của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ , Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế

hoạt động của HĐQT& Ban KS ... và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động kí với người lao động.

- Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lí nhà nước theo đúng quy định hiện hành

✦ HĐQT quản lí- giám sát công tác Tài chính:

- Đã giám sát công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
- Đã ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
- Giám sát và công bố thông tin v/v kí hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2020-2021 đúng quy định

✦ HĐQT quản lí- giám sát Công tác Quản lí Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX thông qua Giám sát hoạt động Quản lí của TGD và KTT.

✦ Thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2020 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021 biểu quyết thông qua đúng quy định
- Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu kí chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do ND 71/ND-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo Online về quản trị công ty (của VCCI tổ chức): Tham gia đào tạo về Chuẩn mực Báo cáo Tài chính quốc tế IFRS của UBCKNN tổ chức trực tuyến ngày 5/11/2021

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 31/12/2021:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban KS	Cử nhân kinh tế- Kế toán	1.059%

06-
Y
DUQ
IRC
THI

2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	TV	Cử nhân kinh tế- Kế toán	10,17%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	TV	Dược sỹ đại học	0%

b) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

- ❖ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
- ❖ Trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- ❖ Tham dự các phiên họp HĐQT mời để nắm các Nghị quyết đã ban hành và thực hiện của HĐQT
- ❖ Giám sát thực hiện kế hoạch SX-KD và đánh giá hiệu quả của HĐQT-TGD thông qua các báo cáo sơ kết Quý/6 tháng/Năm
- ❖ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
- ❖ Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	02	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	02	100%	100%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	02	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

⚡ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

DVT: đồng VN

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)- ĐVN	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN
1	Bà Phan Thị Minh	Chủ tịch HĐQT	64	30



STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)- ĐVN	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN
	Tâm			
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT -Tổng giám đốc	48	30
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	48	30
6	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng BKS	36	6
7	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên BKS	19,2	3
8	Bà Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên BKS	19,2	3
	Cộng		234,4	102

- ⚡ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2021: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 667 triệu đồng, đã bao gồm lợi ích khác.
- ⚡ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2021		Cuối năm 31/12/2021	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	85.403	1,29
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	553.334	8,39	553.334	8,39
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.001.059	15,17

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Đến thời điểm 31/12/2021: Không có!
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có!
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- ⚡ Hoạt động quản trị công ty: Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung :
 - Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;

- Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp);
- Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Quy định báo cáo và công bố thông tin

⚡ Nội dung chưa triển khai gồm: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít (3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên
- Ra Nghị quyết v/v phân công từng thành viên HĐQT

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến ngoại trừ!

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

a. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2021:

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1 013 064 078 335	1 294 537 981 133
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	284 643 217	555 929 013
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	1 012 779 435 118	1 293 982 052 120
4.	Giá vốn hàng bán	11	952 338 661 046	1 221 418 514 436
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	60 440 774 072	72 563 537 684
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1 705 822 627	1 160 817 975

330
C
Ở
ME
HUY

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2020	Năm 2021
7.	Chi phí tài chính	22	22 521 824 716	22 822 401 878
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	22 346 861 644	22 731 905 928
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9.	Chi phí bán hàng	25	21 070 754 463	14 806 940 634
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9 698 057 400	20 360 045 382
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	8 855 960 120	15 734 967 765
12.	Thu nhập khác	31	121 389 693	626 313 920
13.	Chi phí khác	32	27 475 900	68 996 578
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	93 913 793	557 317 342
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	8 949 873 913	16 292 285 107
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 096 225 399	3 281 782 225
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60	7 853 648 514	130 10 502 882

b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2021):

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2020	31/12/2021
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	434 340 542 608	410 451 270 778
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6 961 465 709	3 651 055 505
1.	Tiền	111	6 961 465 709	3 651 055 505
2.	Các khoản tương đương tiền	112		
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	20 000 000 000	20 000 000 000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	20 000 000 000	20 000 000 000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	169 630 749 482	191 790 698 174
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	169 630 749 482	187 835 449 931
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2 120 198 660	5 160 332 221
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		

4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	926 216 954	1 620 468 741
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(106 110 829)	(2 825 552 719)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV.	Hàng tồn kho	140	226 327 507 532	186 846 060 782
1.	Hàng tồn kho	141	226 327 507 532	190 746 905 080
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(214 718 255)	(3 900 844 298)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	11 420 819 885	8 163 456 317
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	754 461 215	503 196 420
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	10 666 358 670	7 660 259 897
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	30 997 661 398	30 121 525 380
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6.	Phải thu dài hạn khác	216		
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II.	Tài sản cố định	220	30 313 041 594	28 716 185 623
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	30 313 041 594	28 716 185 623
	- Nguyên giá	222	83 606 548 844	87 754 608 653
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(53,293,507,250)	(59 038 423 030)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Nguyên giá	225		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3.	Tài sản cố định vô hình	227		
	- Nguyên giá	228		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
III.	Bất động sản đầu tư	230		
	- Nguyên giá	231		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		
1.	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		

V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1.	Đầu tư vào công ty con	251		
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	684 619 804	1 405 339 757
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4.	Tài sản dài hạn khác	268		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	465 338 204 006	440 572 796 158
	NGUỒN VỐN	Mã số		
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	382 782 830 993	352 108 623 292
I.	Nợ ngắn hạn	310	376 782 830 993	343 976 844 181
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	63 485 987 523	28 820 977 746
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5 585 103 094	5 817 831 177
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	590 398 290	1 302 022 579
4.	Phải trả người lao động	314	2 538 204 369	5 086 861 269
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1 303 666 571	1 105 799 705
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	572 607 071	262 381 556
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	634 487 985	651 554 272
0.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	301 342 790 415	300 033 080 143
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	729 585 675	896 335 734
3.	Quỹ bình ổn giá	323		-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-
II.	Nợ dài hạn	330	6 000 000 000	8 131 779 111
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7.	Phải trả dài hạn khác	337		
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	6 000 000 000	8 131 779 111
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		

12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	82 555 373 013	88 464 172 866
I.	Vốn chủ sở hữu	410	82 555 373 013	88 464 172 866
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	65 983 670 000	65 983 670 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	65 983 670 000	65 983 670 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4 000 000	4 000 000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1 477 728 123	1 477 728 123
5.	Cổ phiếu quỹ	415	(92 000 000)	(92 000 000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	1 816 447 149	2 171 510 208
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
0.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5 087 256 559	5 479 938 985
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8 278 271 182	13 439 325 550
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	424 622 668	428 822 668
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	7 853 648 514	13 010 502 882
2.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1.	Nguồn kinh phí	431		
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	465 338 204 006	440 572 796 158

Huế, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CHỦ TỊCH HĐQT**Nơi gửi**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

**DS. PHAN THỊ MINH TÂM**